TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2025
"V/v tranh chấp ly hôn chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành.

2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Ngọc Anh – Thư ký Toà án.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn chia tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Diệp Văn Đ,** sinh năm 1997 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu vực A, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Khu vực A, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Lê Phương Nhã T,** sinh năm 2005 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu vực A, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Khu vực A, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Diệp Văn Đ trình bày*:** Vào năm 2024 do quen biết nên anh và chị Nguyễn Lê Phương Nhã T được sự đồng ý của 02 gia đình tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hoà về tình cảm và kinh tế.

Nay xét thấy không còn tình cảm với nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới hiện nay chị Nguyễn Lê Phương Nhã T đang giữ 09 chỉ, anh Đ đang giữ 01 chỉ. Sau khi khi hôn anh yêu cầu chị T chia cho anh 04 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Lê Phương Nhã T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh Đ thì chị có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất thuận tình ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có một số nữ trang vàng cưới gồm 10 chỉ vàng 24K, sau khi kết hôn thì chị giữ số nữ trang này. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung với anh Đ thì chị có thai và thai bị hư nên chị đã bán 05 chỉ vàng 24K để điều trị. Hiện nay, chị còn giữ 04 chỉ vàng 24K và anh Đ giữ 01 chỉ vàng 24K là đôi bông tai ngày cưới.

Qua yêu cầu chia tài sản của anh Đ thì chị đồng ý giao cho anh Đ 1,5 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên lời trình bày của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Anh Diệp Văn Đ và chị Nguyễn Lê Phương Nhã T do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân*: Anh Diệp Văn Đ và chị Nguyễn Lê Phương Nhã T chung sống với nhau vào năm 2024 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thới An, quận Ô Môn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp với nhau nên cuộc sống thường xảy ra những mâu thuẫn làm mất hạnh phúc. Hiện nay chị T đã về gia đình cha mẹ ruột sinh sống hơn 06 tháng nay, quá trình ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy không còn tình cảm nên anh yêu cầu ly hôn vơi chị T.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà hôm nay chị Nguyễn Lê Phương Nhã T thống nhất thuận tình ly hôn với anh Diệp Văn Đ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] *Về con chung*: Anh Diệp Văn Đ và chị Nguyễn Lê Phương Nhã T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Anh Diệp Văn Đ cho rằng trong ngày cưới gia đình anh có cho anh với chị T 10 chỉ vàng 24K hiện nay do chị T đang giữ 09 chỉ, anh giữ 01 chỉ. Nay anh yêu cầu chị T chia cho anh thêm 04 chỉ vàng 24K.

Xét thấy, tại phiên toà các đương sự đều thừa nhận trong ngày cưới gia đình bên anh Đ có cho 10 chỉ vàng 24K là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng được quy định các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên toà hôm nay chị T cho rằng khi chị với anh Đ về chung sống với nhau thì chị có thai và thai yếu nên đã bị hư thai, chị có đến phòng khám bệnh tư nhân điều trị, về nội dung này được anh Đ thừa nhận. Trong thời gian đó chị T đã bán số vàng cưới để xoay sở thuốc men và điều trị nên chị đã bán hết 05 chỉ vàng 24K nay chị T còn giữ 04 chỉ và 24K. Anh Đ còn đang giữ 01 chỉ vàng 24K là đôi bông ngày cưới.

Chị T đã cung cấp cho Hội đồng xét xử tập hồ sơ như sổ khám thai, phiếu siêu âm tổng quát sản phụ khoa. Như vậy, cho thấy chị T có khám thai và điều trị khi xảy thai do sự cố ngoài ý muốn là thật. Trong các lần chị T đi điều trị và tái khám thì sẽ tốn chi phí đi lại, thuốc men… nên việc chị T cho rằng chị đã bán 05 chỉ vàng 24K để lo điều trị thai là hoàn toàn phù hợp. Hiện tại số vàng còn lại là 05 chỉ vàng 24K, chị T giữ 04 chỉ và anh Đ giữ 01 chỉ. Nay chị T đồng ý giao lại cho anh Đ 1,5 chỉ vàng 24K nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

Từ những phân tích trên cho thấy cần phải chấp nhận một phần yêu cầu của anh Diệp Văn Đ buộc chị Nguyễn Lê Phương Nhã T giao cho anh 1,5 chỉ vàng 24K.

[5] *Về nợ chung*: Không có, không xem xét.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 33, 51, 56 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Văn Đ.

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Diệp Văn Đ với chị Nguyễn Lê Phương Nhã T.

- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Diệp Văn Đ. Buộc chị Nguyễn Lê Phương Nhã T giao cho anh Diệp Văn Đ 1,5 chỉ vàng 24K.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Diệp Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về án phí chia tài sản: Buộc anh Diệp Văn Đ phải chịu 2.682.500 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 1.363.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004867 ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, anh Diệp Văn Đ phải nộp thêm 1.319.500 đồng (Một triệu ba trăm mười chín).

Buộc chị Nguyễn Lê Phương Nhã T phải nộp 1.341.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDKV2 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND (nơi đkkh);
- Phòng THADS KV 2 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phương Văn Chính